TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN THẠNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14-6-2024
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Kham Ly

Ông Nguyễn Văn Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 62/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim N, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp G, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Cai Thanh T, sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp G, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

Bà N có mặt, ông T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị Kim N trình bày: Bà N và ông T chung sống với nhau từ năm 2006, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 06-4-2007. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung tên Cai Hồng N1, sinh ngày 24-7-2007. Đến năm 2023 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, ông T thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu, không lo cho vợ con nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do mâu thuẫn trầm trọng nên bà N và ông T đã ly thân từ cuối năm 2023 cho đến hiện tại. Nay bà N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không

thể hàn gắn đoàn tụ được nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà N yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Hiện đang do bà N nuôi dưỡng từ khi ly thân cho đến hiện tại. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Ý kiến của bị đơn ông Cai Thanh T:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Cai Thanh T vắng mặt và không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Trần Thị Kim N và ông Cai Thanh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 06-4-2007 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Kim N và ông Cai Thanh T là hợp pháp.

Nguyên đơn bà Trần Thị Kim N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Cai Thanh T có địa chỉ cư trú tại xã N, huyện T, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn ông Cai Thanh T:

Xét thấy ông Cai Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai theo quy định nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Cai Thanh T.

[3] Về hôn nhân:

Tại phiên tòa, bà N xác định không còn tình cảm với ông T, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài và cương quyết yêu cầu được ly hôn. Xét thấy ông T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không nộp văn bản thể hiện ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên có đủ căn cứ xác định ông T không quan tâm, không có thiện chí, không mong muốn giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn đoàn tụ với bà N. Như vậy căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, lời trình bày của bà N về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là có căn cứ chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử nhận

thấy có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà N và ông T đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung:

Bà N và ông T có 01 con chung tên Cai Hồng N1, sinh ngày 24-7-2007, hiện tại do bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, bà N yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy bà N là người đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung, để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của con chung, tránh thay đổi môi trường sống, môi trường học tập nên cần giữ nguyên việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung như hiện tại. Ngoài ra, ông T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không nộp văn bản thể hiện ý kiến và yêu cầu tranh chấp nuôi con chung, tại bản tự khai cháu C Hồng Ngoan thể hiện nguyện vọng muốn sống với mẹ. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cho bà N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là phù hợp với nguyện vọng của con chung, đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của con chung.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông T không nộp văn bản thể hiện ý kiến, yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Bà N trình bày không có, ông T không nộp văn bản thể hiện ý kiến, yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Kim N phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Cai Thanh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim N đối với ông Cai Thanh T.

- Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị Kim N ly hôn ông Cai Thanh T.

- Về con chung: Giao con chung Cai Hồng N1, sinh ngày 24-7-2007 cho bà Trần Thị Kim N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Kim N có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003547 ngày 27 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Kim N có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Cai Thanh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Cơ quan đã đăng ký kết hôn;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Minh Trọng